

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

Bà Trần Thị Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị B, sinh ngày 01/01/1986. Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021 và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Thạch Thị B trình bày: Vào năm 2008 do mai mối nên chị và anh Trần Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên cha mẹ ruột tại ấp C, xã H, huyện T, vợ chồng chung sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 12/2011 do anh T tham gia mua bán trái phép chất gây nghiện nên đã bị bắt, bị tòa án xét xử và chấp hành án đến năm 2017 mới trở về, khi trở về thì

không về chung sống làm ăn với chị nữa, vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên chị cố gắng níu kéo cuộc hôn nhân nhưng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thực tế thì vợ chồng sống ly thân từ 2012 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trầm Văn T. Về con chung: Có 02 người con chung tên Trầm Phước T, sinh ngày 01/11/2009 và Trầm Thanh P, sinh ngày 19/9/2011, hiện đang sống với chị nên chị B yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trầm Văn T đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 13/5/2021 và ngày 25/5/2021 nhưng bị đơn anh Trầm Văn T vắng mặt, không lý do. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 18/3/2021, anh T thống nhất với phần trình bày của chị B về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do năm 2011 anh đi chấp hành án, chị B ở nhà không quan tâm anh, đến đầu năm 2017 thì vợ lại thay đổi tính tình, ít quan tâm đến anh mà không rõ nguyên nhân, khi vợ ở bên nhà cha mẹ vợ anh có kêu chị B về ở bên anh nhưng chị B không đồng ý về chung sống với anh nữa. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý do còn thương vợ con.

Ý kiến của cháu Trầm Phước T, sinh ngày 01/11/2009 và Trầm Thanh P, sinh ngày 19/9/2011: Nếu cha mẹ ly hôn thì các con muốn ở với mẹ vì từ nhỏ đã sống với mẹ và đang học ở Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Theo biên bản xác minh tại Công an xã Đ, huyện Trà Cú và Trưởng ban nhân dân ấp G, xã Đ, huyện Trà Cú cùng ngày 20/4/2021 thì địa phương cho biết: Anh T là đối tượng khó quản lý, khi có yêu cầu thì không chấp hành theo giấy mời của địa phương, khi chấp hành án xong từ năm 2017 đến nay thì không thấy vợ chồng về sống chung nên khả năng đoàn tụ là rất khó.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Trầm Văn T là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Thạch Thị B tham gia tố tụng trong vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Trầm Văn T chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

- Về nội dung vụ án: Chị Thạch Thị B và anh Trầm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị Thạch Thị B và anh Trầm Văn T là hợp pháp. Sau kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi anh T chấp hành án về thì từ năm 2017 vợ chồng không sống chung với nhau cho đến nay, anh T thì ở nhà mẹ ruột tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh còn thì B ở nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng bỏ mặc ai sống ra sao thì sống. Chị Thạch Thị B cương quyết ly hôn, do hôn nhân đã đến mức trầm trọng, từ đó yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị B là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, giao hai cháu Trầm Phước T, sinh ngày 01/11/2009 và Trầm Thanh P, sinh ngày 19/9/2011 cho chị Thạch Thị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị B không yêu cầu nên không xem xét, về tài sản chung, nợ chung do anh Trầm Văn T vắng mặt và có không yêu cầu nên không xét. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị B.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho bị đơn các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải, xét xử theo Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Thạch Thị B và bị đơn anh Trầm Văn T.

[2] Chị Thạch Thị B và anh Trầm Văn T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị B và anh T là hợp pháp. Sau kết hôn, chị B và anh T chung sống có hai người con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho chị B và anh T hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng không đạt kết quả do chị B cương quyết ly hôn, còn anh T chỉ đến Tòa án ở lần hòa giải đầu tiên, các lần tiếp theo không đến Tòa án tham gia tố tụng, điều này thể hiện sự không thiện chí của anh T trong việc hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân từ năm 2017 đến nay có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả, chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: tên Trầm Phước T, sinh ngày 01/11/2009 và Trầm Thanh P, sinh ngày 19/9/2011 hiện đang sống với chị B. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì các cháu có nguyện vọng sống chung bên mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trầm Phước T và cháu Trầm Thanh P cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu T và cháu P). Chị B không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị B về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Trầm Văn T.

Cho chị Thạch Thị B được ly hôn với anh Trầm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trầm Phước T, sinh ngày 01/11/2009 và Trầm Thanh P, sinh ngày 19/9/2011 cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng chị B không có yêu cầu nên không giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thạch Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0003405 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn anh Trầm Văn T không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Thạch Thị B, bị đơn anh Trầm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã H, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc